

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2021/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Trương Thúy D**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 383/268, đường 30/4, khóm N, phường C, thành phố S, tỉnh S.

2. Ông **Giang Quốc N**, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Số 610/6, đường MĐC, khóm S, phường C, thành phố S, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện LP, tỉnh S vào ngày 25/01/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N không quan tâm chăm lo vợ con dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nên từ tháng 9/2019 không chung sống với nhau cho đến nay. Nay bà D và ông N yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, bà D và ông N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc

N.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N có 02 con chung tên Giang Trương Gia L, (nam, sinh ngày 28/12/2002) hiện đã trưởng thành, cháu Giang Trương Duyệt N, (nữ, sinh ngày 06/12/2010). Sau khi ly hôn, bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N thống nhất giao cháu Giang Trương Duyệt N, (nữ, sinh ngày 06/12/2010) cho bà D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Giang Trương Gia L (nam, sinh ngày 28/12/2002) đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng: Ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 04 năm 2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Giang Trương Duyệt N, (nữ, sinh ngày 06/12/2010) cho bà D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Giang Trương Gia L (nam, sinh ngày 28/12/2002) đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Giang Trương Duyệt N mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 04 năm 2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ông Giang Quốc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thúy D và ông Giang Quốc N mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà D và ông N đã nộp theo các biên lai thu số 0009576 và 0009577 cùng ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà D và ông N đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lý Bích Khiêm